

4. KHOA HÓA HỌC

I. CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ

1. Về hoạt động khảo sát

- **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên năm cuối; Cựu sinh viên; Giảng viên giảng dạy các CTĐT của khoa; Đơn vị sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp của khoa.
- **Đơn vị thực hiện khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- **Đơn vị tổng hợp kết quả khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

2. Tóm tắt các kết quả khảo sát hài lòng các bên liên quan

a) Khảo sát giảng viên Về chương trình đào tạo (CTĐT)

Tỉ lệ giảng viên tham gia khảo sát đạt 62,69%, phản ánh sự quan tâm tương đối của đội ngũ giảng viên đối với các hoạt động cải tiến chất lượng của Trường.

STT	Nội dung khảo sát	Khoa Hóa học		Nhận định đánh giá
		Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB	
1	Về chương trình đào tạo	83,33	4,00	Mức hài lòng cao
2	Về CDR của CTĐT	80,95	3,95	Đáp ứng tương đối tốt kỳ vọng của giảng viên
3	Về chất lượng đào tạo của trường	76,19	3,90	Ở mức khá, cần cải thiện để nâng cao hơn nữa chất lượng
4	Về cơ sở vật chất (CSVCh) phục vụ dạy và học	28,57	3,07	Thấp nhất trong các lĩnh vực, chủ yếu do hạn chế về thiết bị, phòng TN, cung cấp hóa chất dụng cụ chưa kịp thời.
5	Về công tác thư viện	71,43	3,83	Có thể cải thiện hơn về tài nguyên học thuật chuyên sâu
6	Về công tác tổ chức đào tạo	83,33	3,95	Được đánh giá cao
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	85,71	4,07	Cao nhất trong tất cả các hoạt động được khảo sát
8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	73,81	3,83	Cần cải thiện tiến độ hỗ trợ, giải ngân
9	Về công tác đối ngoại	69,05	3,71	Ở mức trung bình khá, cần tăng cường hợp tác quốc tế
10	Về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng	64,29	3,64	Còn hạn chế, cần đẩy mạnh hoạt động phục vụ xã hội
11	Về công tác hành chính cấp trường	66,67	3,69	Thủ tục còn rườm rà, cần cải thiện hiệu quả xử lý hành chính
12	Về công tác hành chính cấp khoa	76,19	3,81	Mức độ hài lòng khá tốt, thể hiện sự gần gũi giữa khoa và giảng viên

- **CTĐT và CDR:** Kết quả này cho thấy đa số GV hài lòng với tính phù hợp và cấu trúc của CTĐT, cũng như sự rõ ràng và khả thi của CDR. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng gần 20% GV chưa hài lòng, chủ yếu xuất phát từ việc quy mô tuyển sinh tăng trong những năm gần đây và GV quá tải trong giảng dạy, dẫn đến sự quá tải trong triển khai chương trình học và các hoạt động giảng dạy.

- *Chất lượng đào tạo*: Mức hài lòng ở mức khá, tuy nhiên chưa cao so với kỳ vọng. Nguyên nhân đến từ việc thiếu sự đồng bộ giữa yêu cầu học thuật và năng lực hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị.
- *Cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy và học*: Đây là lĩnh vực có mức hài lòng thấp nhất, chủ yếu do thiết bị thí nghiệm lạc hậu, việc mua và cung ứng hóa chất dụng cụ không kịp thời, không đủ không gian cho SV làm nghiên cứu, thiếu micro tương tác, và vệ sinh chưa đảm bảo.
- *Thư viện*: Thư viện được đánh giá ở mức khá, tuy nhiên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiếp cận tài liệu chuyên ngành nâng cao và quốc tế.
- *Tổ chức đào tạo và khảo thí - Đảm bảo chất lượng*: Các hoạt động này nhận được sự tín nhiệm cao từ GV. Tuy nhiên, vẫn còn ý kiến phản ánh bất cập trong công tác tổ chức và phân công coi thi.
- *Nghiên cứu khoa học và đối ngoại*: GV vẫn gặp khó khăn về thủ tục hành chính trong thực hiện đề tài (giải ngân chậm), và cơ hội đối ngoại còn hạn chế.
- *Kết nối cộng đồng và hành chính*: Hoạt động cộng đồng còn chưa lan tỏa rộng và hiệu quả. Công tác hành chính có sự chênh lệch rõ giữa cấp khoa và cấp trường, cho thấy vẫn còn rào cản trong phối hợp liên phòng ban.

b) Đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của Khoa

Trong năm khảo sát, có 73/279 doanh nghiệp tham gia khảo sát phản hồi về chất lượng đào tạo của Trường (chiếm 26,16%), trong đó có 6 doanh nghiệp thường xuyên tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp từ Khoa Hóa học với 540 nhân sự, và 90 cựu sinh viên Khoa Hóa học đang làm việc tại các doanh nghiệp này.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng đào tạo của Khoa Hóa học là rất cao, với các chỉ số phản hồi tích cực nổi bật ở hầu hết các tiêu chí, đặc biệt là về ý thức làm việc, khả năng thích ứng, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự tuân thủ nội quy.

Tuy nhiên, cũng có một số góp ý mang tính xây dựng từ doanh nghiệp, tập trung vào việc tăng cường kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, giảm tải một số phần lý thuyết chưa sát thực tế, và tăng cường nội dung thực hành.

Tiêu chí đánh giá	Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB	Nhận định, đánh giá
Mức độ hài lòng chung về SV tốt nghiệp	100	4.5	Doanh nghiệp đánh giá cao chất lượng đào tạo
Khả năng thích ứng công việc	100	4.5	Linh hoạt và đáp ứng tốt yêu cầu thực tế
Trách nhiệm, cầu tiến	100	4.5	Thái độ làm việc tốt, tích cực học hỏi
Chấp hành nội quy, quy định	100	4.67	Mức điểm cao nhất trong các tiêu chí
Kỹ năng ngoại ngữ	66.67	3.83	Mức thấp nhất, cần cải thiện rõ rệt
Kỹ năng CNTT	100	4.17	Đáp ứng khá tốt
Kỹ năng làm việc nhóm	100	4.33	Tốt, có thể phát huy hơn trong môi trường thực tế
Kỹ năng giải quyết vấn đề	100	4.83	Cao nhất trong các kỹ năng, cho thấy tư duy ứng dụng tốt

c) Đánh giá của Cựu sinh viên

Các kết quả khảo sát từ sinh viên tốt nghiệp và doanh nghiệp đã cung cấp một bức tranh tổng thể, khách quan về chất lượng đào tạo, mức độ đáp ứng CĐR, mức độ hài lòng Về chương trình đào tạo (CTĐT), năng lực đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, và khả năng thích ứng với thị trường lao động.

Tiêu chí đánh giá	CNKT Hóa học	Hóa học
Tình trạng có việc làm toàn thời gian	70.24%	76.54%
Làm việc đúng/ liên quan ngành	77.94%	88.44%
Mức thu nhập trung bình	10.45 triệu	11.33 triệu
Hài lòng về kiến thức được trang bị	83.33%	82.12%
Hài lòng về kỹ năng mềm	73.81%	74.30%
Hài lòng về năng lực GV	80.95%	87.15%
Hài lòng về chất lượng đào tạo tổng thể	79.76%	81.01%
Hài lòng về kỹ năng CNTT	64.29%	65.36%
Hài lòng về kỹ năng giải quyết vấn đề	69.05%	74.30%
Hài lòng về kỹ năng làm việc nhóm	73.81%	75.98%
Hài lòng về kỹ năng ngoại ngữ	61.90%	46.37%
Hài lòng về CSVC phục vụ đào tạo	58.33%	56.42%

Điểm mạnh:

- SV có khả năng hòa nhập thị trường lao động cao, làm việc nhóm tốt, kỹ năng chuyên môn ổn định.
- Chất lượng đào tạo được doanh nghiệp đánh giá cao: 100% doanh nghiệp hài lòng với sinh viên tốt nghiệp, điểm trung bình 4.5/5.
- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thích ứng, giải quyết vấn đề, và làm việc nhóm tốt, với các mức điểm trung bình từ 4.33 đến 4.83.
- Thái độ làm việc, tính kỷ luật và tinh thần cầu tiến được doanh nghiệp đánh giá rất cao.
- Kỹ năng công nghệ thông tin và làm việc nhóm của sinh viên được xác nhận là phù hợp và hiệu quả.
- CTĐT được giảng viên, SV tốt nghiệp và doanh nghiệp đánh giá tích cực.
- GV có năng lực chuyên môn và sư phạm tốt, tổ chức đào tạo hiệu quả.
- Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thích nghi nhanh với công việc.
- Tỷ lệ việc làm toàn thời gian và mức thu nhập ổn định.

Điểm hạn chế:

- Kỹ năng ngoại ngữ còn yếu, đặc biệt ở ngành Hóa học (chỉ 46.37% hài lòng).
- CSVC phục vụ đào tạo chưa đáp ứng tốt (dưới 60% hài lòng).
- Tỷ lệ SV làm không đúng ngành vẫn còn tương đối cao, nhất là ngành CN Kỹ thuật Hóa học (22%).
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ còn yếu (3.83/5, thấp nhất trong các tiêu chí kỹ năng).
- Thiếu nội dung đào tạo sát với thực tế sản xuất, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cụ thể từ doanh nghiệp.
- Tỷ lệ phản hồi doanh nghiệp còn thấp (26.16%), cần mở rộng mạng lưới hợp tác.

- Kỹ năng ngoại ngữ và CNTT của SV còn hạn chế.
- Cơ sở vật chất, đặc biệt là phòng thí nghiệm và thiết bị thực hành còn yếu.
- Công tác định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm sau tốt nghiệp chưa thật sự hiệu quả.

d) Đánh giá của SV năm cuối về hoạt động đào tạo của Trường (đánh giá khóa học)

Khảo sát sinh viên năm cuối toàn trường có 1.370/3.244 SV tham gia (42.23%), trong đó tỉ lệ sinh viên thuộc Khoa Hóa học là 49.78%, phản ánh ít quan tâm và trách nhiệm của sinh viên ngành trong việc phản hồi chất lượng đào tạo. Số liệu khảo sát dưới 50% nên đôi tin cậy không cao để thay đổi hoặc hiệu chỉnh các hoạt động giảng dạy, CTĐT.

Báo cáo này tổng hợp phân tích, đánh giá và đề xuất cải tiến các hoạt động đào tạo tại Khoa Hóa học theo định hướng đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn AUN-QA.

STT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ hài lòng (%)	Điểm TB	Nhận định, đánh giá
1	Chương trình đào tạo	80.70%	4.06	Đáp ứng nhu cầu học tập, nội dung phù hợp và cập nhật.
2	CĐR của CTĐT	82.46%	4.09	SV nhận thức rõ và đánh giá tốt về CĐR; công tác truyền thông có hiệu quả.
3	Đội ngũ giảng viên	85.53%	4.19	Điểm cao nhất; giảng viên được đánh giá cao về năng lực chuyên môn và sự phạm.
4	Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học	62.28%	3.67	Thấp nhất; còn hạn chế về trang thiết bị thực hành, phòng học, hóa chất-dụng cụ.
5	Thư viện phục vụ dạy và học	79.39%	4.10	Tài nguyên học tập cơ bản được đáp ứng
6	Công tác tổ chức đào tạo	78.95%	4.05	Quy trình đăng ký học phần, TKB vận hành tương đối hiệu quả.
7	Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng	83.33%	4.13	Đánh giá tích cực trong kiểm tra đánh giá.
8	Công tác nghiên cứu khoa học	79.39%	4.06	Có nhiều hoạt động NCKH SV, khuyến khích tham gia cuộc thi nghiên cứu.
9	Công tác sinh viên	78.07%	4.06	Công tác tư vấn, hướng nghiệp được thực hiện khá hiệu quả.
10	Công tác Đoàn – Hội	67.98%	3.83	Hoạt động chưa thực sự thu hút sinh viên chuyên ngành, cần đổi mới nội dung.
11	Chăm sóc y tế và chăm sóc sức khỏe tinh thần	79.39%	4.13	Các hoạt động chăm sóc tâm lý -thể chất được ghi nhận và đánh giá cao.
12	Hoạt động hỗ trợ cấp khoa (cố vấn học tập, hỗ trợ học thuật)	77.63%	4.06	Hệ thống cố vấn học tập hoạt động hiệu quả, có tính đồng hành với SV.

Điểm mạnh:

- Chất lượng giảng viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu: SV đánh giá rất tích cực về năng lực, phong cách giảng dạy và sự hỗ trợ của GV.
- CĐR và CTĐT rõ ràng, cập nhật: Có định hướng, kết nối với nhu cầu xã hội.
- Thư viện và hỗ trợ học tập cơ bản đầy đủ.
- Hoạt động tư vấn học tập cấp Khoa có hiệu quả: Giúp SV giải quyết khó khăn học thuật, chọn môn học, định hướng nghề nghiệp.

- Điểm cần cải thiện:

- Cơ sở vật chất phục vụ học tập: Mức hài lòng thấp nhất (3.67), cho thấy sự cần thiết phải nâng cấp phòng học, thiết bị thí nghiệm đặc biệt là thiếu hụt và cung cấp hóa chất-dụng cụ chưa đúng và kịp thời.
- Hoạt động Đoàn - Hội: Điểm thấp (3.83), phản ánh sự thiếu hấp dẫn hoặc một số hoạt động cần rà soát lại để phù hợp với sinh viên khối khoa học tự nhiên.
- Tăng cường truyền thông 2 chiều giữa SV và khoa trong góp ý và phản hồi về hoạt động đào tạo.

e) Đánh giá hài lòng của SV về môn học và giảng viên giảng dạy môn học

- HK2/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	Hóa học		CN kỹ thuật hóa học		Hóa học (VP)		Hóa học (CLC)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	90.77	4.52	89.95	4.53	97.48	4.80	92.09	4.60
2	Về môn học thực hành	91.09	4.52	90.83	4.49	100	4.81	87.10	4.44
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	90.26	4.52	90.37	4.53	98.32	4.79	93.00	4.62
4	Về GV dạy môn học thực hành	92.24	4.54	90.83	4.50	100	4.78	88.25	4.49
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	89.14	4.48	89.75	4.51	95.80	4.76	90.93	4.57
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	90.03	4.48	85.83	4.42	96.55	4.72	87.10	4.45

- HK3/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	CN kỹ thuật hóa học		Hóa học (VP)		Hóa học (CLC)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	88.28	4.48	89.04	4.60	90.57	4.56
2	Về môn học thực hành	94	4.67	100	4.75	89.26	4.52
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	89.47	4.49	89.04	4.59	90.30	4.56
4	Về GV dạy môn học thực hành	93.59	4.67	100.00	4.75	88.78	4.49
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	89.07	4.49	87.67	4.51	89.33	4.53
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	94.30	4.65	100.00	4.75	87.35	4.47

-HK1/2024-2025:

TT	Nội dung khảo sát	Hóa học		CN kỹ thuật hóa học		Hóa học (VP)		Hóa học (CLC)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	88.85	4.46	95.95	4.73	100	4.74	91.64	4.62
2	Về môn học thực hành	89.85	4.46	88.04	4.43	100	4.83	87.94	4.49
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	89.59	4.49	90.86	4.57	95.35	4.67	91.20	4.60
4	Về GV dạy môn học thực hành	90.38	4.48	87.73	4.42	83.33	4.67	87.62	4.5
5	Về khả năng đạt CĐR	86.55	4.41	90.65	4.55	90.7	4.58	90.04	4.59

	của môn học LT								
6	Về khả năng đạt CDR của môn học TH	87.1	4.41	85.89	4.4	83.33	4.67	87.62	4.5

- *Cơ sở vật chất của Khoa, nhà trường:*

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đóng vai trò nền tảng đảm bảo hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học và phát triển toàn diện người học. Sinh viên Khoa Hóa học có nhận xét đa chiều về cơ sở vật chất: một mặt đánh giá tích cực về không gian thư viện, sự thân thiện của cán bộ, nhưng đồng thời cũng phản ánh nhiều tồn tại về chất lượng phòng học, mạng wifi, khu vệ sinh, và đặc biệt là khu vực giữ xe.

Cơ sở vật chất hiện tại nhìn chung đã đáp ứng được một phần nhu cầu dạy – học và nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm người học. Khoa Hóa học cần phối hợp với các phòng chức năng để thực hiện các biện pháp cải tiến theo nguyên tắc liên tục, lấy người học làm trung tâm, phù hợp với triết lý AUN-QA.

- *Những điểm tích cực:*

Không gian học tập – thư viện: Thư viện được sinh viên đánh giá cao, đặc biệt là không khí học tập và sự hỗ trợ từ cán bộ thư viện (trích dẫn: “Thư viện rất ok, thích nhất cô Nghĩa rất dễ thương và luôn vui vẻ”).

Sự thấu hiểu của sinh viên: Một số sinh viên tỏ ra thông cảm với điều kiện làm việc của nhân viên giữ xe, cho thấy nhận thức tích cực về môi trường học tập (“Em rất hiểu và thông cảm cho các chú giữ xe dưới trời nắng nóng”).

Các vấn đề tồn tại nổi bật:

Vấn đề phản ánh	Tần suất	Tác động
Bãi giữ xe nhỏ, chen chúc, dễ trầy xe	Rất cao	Cao
Wifi yếu, không thể tra cứu tài liệu	Rất cao	Rất cao
Phòng học chật, không đủ chỗ ngồi	Cao	Cao
Máy lạnh không hiệu quả hoặc bị hư	Cao	Trung bình
Vệ sinh chưa đảm bảo (nhà vệ sinh, chỗ uống nước, thư viện)	Trung bình	Trung bình
Thiếu vật tư lớp học: bút lông, máy chiếu chập chờn	Thấp – TB	Trung bình

Những điểm cần cải thiện: chủ yếu từ cấp trường: Bãi giữ xe, chất lượng kết nối Internet/Wifi, phòng học, thiết bị giảng dạy, vệ sinh – tiện ích sinh viên.

II. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Từ các góp ý của các bên liên quan: cựu SV, nhà tuyển dụng, GV và ý kiến của SV năm thứ 4. Khoa Hóa học lựa chọn thông tin phản hồi tin cậy và xét sự tồn đọng hiện có, Khoa Hóa học đã thực hiện một số rà soát và cải tiến.

Vấn đề	Giải pháp đề xuất	Đơn vị phụ trách
Thiết bị giảng dạy, hóa	Kiểm tra định kỳ và bổ sung nhanh hóa chất	P.CSVC + Khoa +

chất dụng cụ	dụng cụ	Phòng QTTB
Kỹ năng ngoại ngữ và CNTT của SV-Điểm nghề năng lực hội nhập	Thiết kế học phần tăng cường tiếng Anh chuyên ngành (ESP). Tổ chức câu lạc bộ học thuật bằng tiếng Anh, mời báo cáo viên quốc tế.	Khoa Hóa
Hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm và kết nối doanh nghiệp	Xây dựng mạng lưới cựu SV làm cố vấn nghề nghiệp. Ký kết hợp tác thực tập, tuyển dụng với doanh nghiệp ngành Hóa. Tổ chức hội thảo hướng nghiệp và mời Doanh nghiệp đánh giá SV sau thực tập.	Khoa Hóa
Rà soát và cập nhật CDR và CTĐT	Cập nhật CDR dựa trên phân tích phản hồi từ doanh nghiệp, SV tốt nghiệp và nhà tuyển dụng. Tăng cường các học phần thực tế, tích hợp kỹ năng mềm, kỹ năng số. Ứng dụng phương pháp giảng dạy theo năng lực (OBE).	Khoa Hóa

Kết quả thực hiện cải tiến

Hoạt động	Kết quả thực hiện cải tiến
Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ	Tổ chức lớp tăng cường tiếng Anh chuyên ngành, tích hợp kỹ năng ngôn ngữ vào CTĐT.
Cải thiện cơ sở vật chất	Đề xuất đầu tư, nâng cấp PTN, thiết bị
Tăng cường kết nối doanh nghiệp	Thiết lập chương trình internship, cố vấn Doanh nghiệp, hội thảo nghề nghiệp định kỳ.
Cải thiện CDR	Rà soát, cập nhật CDR theo phản hồi từ Doanh nghiệp và xu thế phát triển ngành.
Đổi mới phương pháp giảng dạy	Khuyến khích GV sử dụng phương pháp học tập tích cực, dạy học theo năng lực.
Đánh giá nội bộ định kỳ	Triển khai khảo sát định kỳ và phân tích dữ liệu nhằm liên tục cải tiến.

III. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Tăng cường phát triển kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên.
- Cải thiện cơ sở vật chất, đặc biệt là phòng thí nghiệm và thiết bị thực hành, cung cấp thiết bị, dụng cụ, hóa chất kịp thời cho SV thực hành và thực hiện môn tốt nghiệp.
- Gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp và thị trường lao động.
- Nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm sau tốt nghiệp.